

KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I – NĂM HỌC 2021 – 2022

PAPER TEST- END OF TERM I- SCHOOL YEAR 2021-2022

MÔN: TOÁN – LỚP 2 SUBJECT: Maths – GRADE 2 (Thời gian làm bài: 40 phút)	Họ và tên / Student's name: Lớp/ Class:.....
NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN / TEACHER'S COMMENT: Điểm / Marks:	

Multiple choice: Circle the correct answer.

(Khoanh tròn đáp án đúng).

..... /1
điểm/point

1. Choose the correct symbol: (Chọn dấu phù hợp)

a. 65 56

A. <

B. =

C. >

b. $9 + 8$ 2×9

A. <

B. =

C. >

..... /1
điểm/point

2. Count: (Tính)

a. $3 \times 7 = \dots\dots\dots$

A. 27

B. 24

C. 21

b. $40 \times 0 = \dots\dots\dots$

A. 40

B. 0

C. 1

..... /0.5
điểm/points

3. Arrange the numbers from least to greatest: 92 ; 19 ; 62 ; 29

(Sắp xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn)

A. 92 ; 62 ; 29 ; 19

B. 19; 29 ; 62 ; 92

C. 19; 62 ; 29 ; 92

..... /0.5
điểm/points

4. Which picture is quadrangle? (Hình nào là hình tứ giác?)



5. Match: (Nối)

..... /1
điểm/point

$4 + 4 + 4 + 4 + 4$

20

3×5

$5 + 5 + 5$

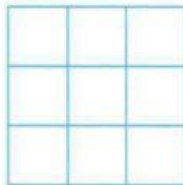
15

5×4

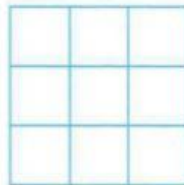
6. Calculate vertically: (Đặt tính dọc)

..... /1
điểm/point

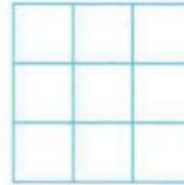
a. $28 + 36$



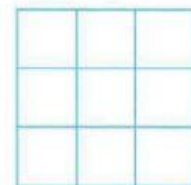
b. $77 + 9$



c. $92 - 60$



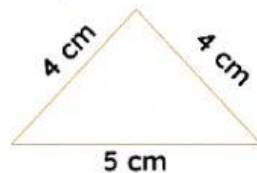
d. $62 - 45$



..... /1
điểm/point

7. Calculate the perimeter of the shape below:

(Tính chu vi của hình bên dưới)



.....
Chu vi của hình tam giác là:.....

..... /1
điểm/point

8. Count: (Tính)

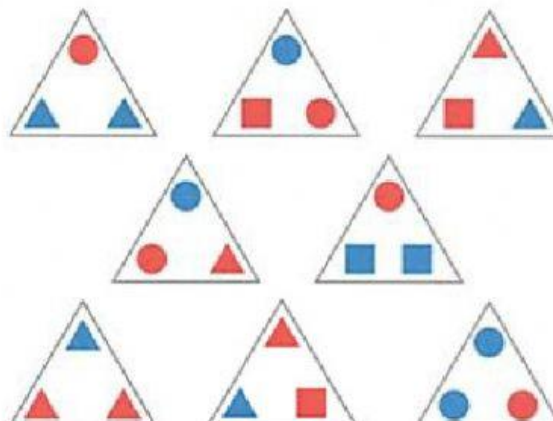
a. $6 \times 5 + 38 = \dots\dots\dots$

b. $30 - 6 \times 3 = \dots\dots\dots$

..... /1
điểm/point

9. Choose the two triangles with the same pattern.

(Chọn 2 hình tam giác có họa tiết giống nhau):



..... /1
điểm/point

10. Find the missing numbers: (Điền số thích hợp)

a. $72 - \dots\dots\dots = 36$

b. $18 + \dots\dots\dots = 40$

c. $\dots\dots\dots - 9 = 82$

d. $\dots\dots\dots : 5 = 7$

..... /1
điểm/point

11. Một chiếc xe ô tô có 4 bánh xe. Hỏi 6 chiếc xe ô tô có tất cả bao nhiêu bánh xe?

--	--	--	--	--	--



Trả lời: 6 chiếc xe ô tô có

-----**Hết**-----